

Bản án số: 75/2023/DS-PT
Ngày 08-12-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng M Hạnh

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thu Hằng

Bà Nguyễn M Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hán – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Ông Hà Văn Dón
- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2023/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 73/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Vũ Doãn M; nơi cư trú: Thôn 4, xã BS, huyện AD, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Cao Văn C; nơi cư trú tại: Thôn 6, xã Bắc Sơn, huyện AD, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Chị Đỗ Thị H, địa chỉ: Thôn 1 Tràng Duệ, xã LL, huyện AD, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

2. Anh Đỗ Hải L; nơi cư trú: Số 61, ngõ 267, tổ 3, phường Yên M, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

3. Bà Vũ Thị Y; nơi cư trú: Thôn 3, xã BS, huyện AD, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Cao Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Vũ Doãn M trình bày:*

Cuối năm 2021, ông M có quen biết ông Cao Văn C qua sự giới thiệu của bà Vũ Thị Y (là dì họ ông). Sau đó ông C hỏi ông vay tiền để làm vốn kinh doanh, nên ông C có quen biết với bà Y nên ông đồng ý cho ông C vay tiền. Ngày 18/01/2022, tại nhà bà Y ông M đã cho ông C vay 01 tỷ đồng và lập Biên bản cam kết có chữ ký và điểm chỉ của ông M, ông C và anh Đỗ Hải L là người làm chứng; có sự chứng kiến của bà Y và chị H. Các bên thỏa thuận lãi suất tùy tâm và hạn trả nợ là tháng 07/2022. Khi giao tiền ông C đã đưa lại cho ông M số tiền 60 triệu đồng tiền lãi cho 06 tháng. Đến hạn ông C không trả số tiền gốc nên ông M khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông C phải trả số tiền đã vay là 01 tỷ đồng.

- *Bị đơn ông Cao Văn C trình bày:*

Chị Đỗ Thị H là người có nhu cầu vay vốn để kinh doanh nên đã hỏi bà Y vay số tiền 01 tỷ đồng, nhưng bà Y lại bảo ông C đứng ra làm bên vay và ông M làm bên cho vay. Bà Y lập 02 Biên bản cam kết cùng ngày 18/01/2022 tại nhà bà Y; một bản có nội dung là ông M cho ông C vay số tiền 01 tỷ đồng và 01 bản có nội dung là ông C cho chị H và anh L vay số tiền 01 tỷ đồng. Bà Y và ông M đã đưa cho chị H và anh L số tiền 940 triệu đồng (trích lại 60 triệu đồng tiền lãi). Còn lý do ông ký vào các Biên bản cam kết vờn lời bà Y bảo ông cứ ký còn bà Y sẽ tự lấy tiền nợ từ chị H. Chính anh L đã viết ở mặt sau của Biên bản cam kết xác nhận số tiền 01 tỷ đồng ông C ký vay của ông M thực tế là do chị H và anh L vay không liên quan đến ông C. Do ông C không phải là người vay tiền mà người vay là chị H và anh L nên ông C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông M.

- *Anh Đỗ Hải L trình bày:*

Anh là anh trai của chị Đỗ Thị H (Giám đốc của Công ty Việt Trung), Công ty Việt Trung có quan hệ kinh doanh với ông C và bà Vũ Thị Y. Do có nhu cầu về vốn nên chị H hỏi vay tiền bà Y, bà Y giới thiệu vay tiền ông Vũ Doãn M nhưng yêu cầu ông C phải đứng ra ký giấy vay tiền thì ông M mới cho chị H vay.

Tại nhà bà Y ngày 18/01/2022, ông C, và ông M đã ký và điểm chỉ tại Bản cam kết ghi nhận nội dung ông C vay ông M số tiền 01 tỷ đồng; anh L cũng ký và điểm chỉ với tư cách là người làm chứng, ông M là người giao cho chị H số tiền 940 triệu đồng vì đã trích 60 triệu đồng tiền lãi. Anh và chị H cũng ký vào một Bản cam kết với nội dung có vay lại ông C số tiền 01 tỷ đồng. Thực tế thì anh và chị H không vay của ông C mà chỉ có chị H vay của ông M. Việc trả tiền gốc và lãi như thế nào giữa chị H và ông M anh không rõ vì anh không sử dụng số tiền trên. Vài tháng sau

ngày 18/01/2022 thì ông C có yêu cầu anh viết cam kết sau bản phô tô của Biên bản cam kết ngày 18/01/2022 (biên bản mà ông M cho ông C vay số tiền 01 tỷ), anh đã viết để cho ông C yên tâm vì lúc đó ông C bảo với anh là ông không được tiêu dùng số tiền này mà do chị H sử dụng.

- *Chị Đỗ Thị H trình bày:* Chị H đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt vì công việc rất bận không tham gia được phiên tòa. Chị H chỉ vay tiền của ông Cao Văn C không vay tiền ông Vũ Doãn M nên chị không liên quan gì trong vụ án.

** Tại Bản án sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện AD đã quyết định:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Cao Văn C phải trả cho ông Vũ Doãn M số tiền 1.000.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm trả, quyết định về án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/9/2023, bị đơn ông Cao Văn C kháng cáo; đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm

Bị đơn trình bày: Bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm là chị H và anh L vay tiền của ông M, còn ông không phải là người vay.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu do các bên cung cấp là các Biên bản bam kết, có chữ ký xác nhận của bên vay, bên cho vay và người làm chứng để xác định ông C có vay của ông M 01 tỷ đồng là có căn cứ. Ông C cho rằng mình không vay tiền của ông M nhưng không cung cấp được các tài liệu chứng M cho quan điểm của mình nên không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện đòi tiền cho bị đơn vay, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại xã BS, huyện AD, thành phố Hải Phòng; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn là ông Cao Văn Ckháng cáo trong thời hạn luật định; Đơn kháng cáo có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đưachị Đỗ Thị H và anh Đỗ Hải Ltham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quanmà không tuyên quyền hoặc nghĩa vụ gì của họ liên quan đến yêu cầu khởi kiện là không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tài liệu, chứng cứ thể hiện họ chỉ là người làm chứng trong vụ án, nhưng thiếu sót trên của cấp sơ thẩm không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự nên chỉ cần rút kinh nghiệm. Tại phiên toà hôm nay, chị Đỗ Thị H và anh Đỗ Hải L vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử phúc thẩm vụ án.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4] Ông M và ông C đều xác nhận hai bên ký Biên bản cam kết ngày 18/01/2022, với nội dung ông M cho ông C vay số tiền 01 tỷ đồng, ông C trả lãi tùy tâm và đến tháng 07/2022 ông C phải trả ông M số tiền 01 tỷ đồng, biên bản có chữ ký người làm chứng là anh Đỗ Hải L.Tuy nhiên, ông C lại cho rằng số tiền trên là của bà Y đưa cho ông M để cho chị H anh L vay, ông C khôngđược sử dụng khoản tiền vay của ông M nên không có nghĩa vụ trả nợ, lý do ông ký nhận vay số tiền 01 tỷ là theo yêu cầu của bà Y.Nhưng ngoài lời khai trên thì ông C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng M cho quan điểm của mình. Quá trình giải quyết vụ án, ông Vũ Doãn M và bà Vũ Thị Y không chấp nhận lời khai này của ông C và đều khai là số tiền đó là của ông M cho ông C vay theo Biên bản cam kết ngày 18/01/2022.

[5] Đối với bản phô tô Biên bản cam kết ngày 18/01/2022 (do ông C cung cấp) có chữ viết của anh Đỗ Hải L tại mặt sau là anh L và chị H là người sử dụng số tiền 01 tỷ đồng mà ông C vay của ông M và chịu trách nhiệm trả khoản tiền này cho ông M, nhưng bản chính Biên bản cam kết ngày 18/01/2022 (do ông M cung cấp) không có chữ viết của anh L ở mặt sau như trên. Chính anh L khai đã viết thêm theo yêu cầu của ông C, cho nên nội dung anh L ghi phía saubản phô tô Biên bản cam kết ngày 18/01/2022 về việc chịu nghĩa vụ trả nợ cho ông M thay ông C không có giá trị vì không được ông M đồng ý.

[6] Mặc dù anh L có lời khai nhận vay số tiền 01 tỷ đồng của bà Y nhưng lời khai trên mâu thuẫn với các tài liệu, chứng cứ khác, đặc biệt là lời trình bày của chị Đỗ Thị H tại Biên bản giao nhận ngày 18/9/2023 là: Tôi chỉ vay tiền của ông Cao Văn C chứ không vay tiền của ông Vũ Doãn M nên tôi không liên quan đến vụ án nêu trên. Xét lời khai nguyên đơn phù hợp với Biên bản cam kết cũng được lập ngày 18/01/2022: Hai anh em tôi vay của chú Cao Văn C số tiền 01 tỷ đồng. Chú Cao Văn C cho anh em tôi vay không có lãi, mang tinh thần giúp đỡ anh em chúng tôi có vốn kinh doanh bếp ăn. Hai anh em tôi hẹn đến ngày 18/7/2022 sẽ thanh toán cho chú hết số tiền 01 tỷ đồng. Ông C là người có đầy đủ năng lực hành vi nên phải chịu

trách nhiệm về những nội dung đã thoả thuận tại Biên bản cam kết ngày 18/01/2022. Kể cả trường hợp đúng là ông C chỉ ký giấy vay giúp cho anh L, chị Huyền thì trách nhiệm trả tiền cho ông M vẫn thuộc về ông C.

[7] Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận ngày 18/01/2022 ông C đã ký Biên bản cam kết vay của ông M số tiền 01 tỷ đồng, thời hạn đến tháng 7/2022, sau đó ông C cho anh L chị H vay lại với cùng số tiền và lãi suất như trên. Bản án sơ thẩm xác định đây là hợp đồng vay tiền có thời hạn trả nợ vào 07/2022 và tuyên buộc ông C chịu trách nhiệm trả số tiền gốc cho ông M là phù hợp quy định tại Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Không đủ căn cứ chấp nhận quan điểm của ông C cho rằng số tiền 01 tỷ đồng mà ông ký vay của ông M là tiền của bà Y cho anh L, chị H vay. Ông C có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác để đòi tiền anh L, chị H theo quy định của pháp luật.

[8] Về số tiền 60.000.000 đồng ông C nhờ trả lãi cho ông M trong 06 tháng, tương đương lãi suất 1%/tháng là phù hợp quy định của pháp luật về lãi suất cho vay. Xét các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; ông C là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Cao Văn C phải trả cho ông Vũ Doãn M số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm cho ông Cao Văn C. Trả lại cho ông Vũ Doãn M số tiền tạm ứng án phí 21.000.000đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện AD theo Biên lai số 0005134 ngày 20/6/2023.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

- *Về quyền yêu cầu thi thành án:* Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND huyện AD;
- Chi cục THADS huyện AD;
- Các đương sự(để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Hạnh